

4 bản 6 tờ

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

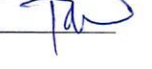
Giám thị 1: Đào Thị Hồng Hạnh

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24211MH110902701

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Dương Minh Tâm

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Trần Bình Dương

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 03/04/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410170055	Nguyễn Chí Duy	30/09/2006			4,2	ba, hai	C26TK2	
2	2410010029	Huỳnh Anh Kiệt	03/11/2006			2,6	hai, sáu	C26TH	
3	2410170037	Nguyễn Võ Thành Long	12/03/2005			7,2	bảy, hai	C26TK2	
4	2410010021	Nguyễn Phương Nam	21/08/2006			3,2	ba, hai	C26TH	
5	2410170045	Mai Minh Ngọc Kim Ngân	06/11/2006			6,8	sáu, tám	C26TK2	
6	2410170049	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	05/04/2006			7,4	bảy, bốn	C26TK2	
7	2410010031	Võ Thành Nghĩa	15/03/2006			6,4	sáu, bốn	C26TH	
8	2410170046	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	11/08/2006			7,6	bảy, sáu	C26TK2	
9	2410010038	Sơn Tôn Nguyên	04/09/2006			6,4	sáu, bốn	C26TH	
10	2410010042	Nguyễn Lê Hữu Nhân	01/06/2006			5,8	năm, tám	C26TH	
11	2410170009	Tất Tịnh Nhi	25/05/2006			7,2	bảy, hai	C26TK1	
12	2410170031	Lê Trương Thục Như	08/11/2006			8,0	tám, không	C26TK1	
13	2410170029	Nguyễn Phụng Như	09/11/2006			7,4	bảy, bốn	C26TK1	
14	2410010003	Lê Văn Nhật	08/12/2006			6,4	sáu, bốn	C26TH	
15	2410170039	Nguyễn Hồ Thiên Phụng	26/11/2005			5,6	năm, sáu	C26TK2	
16	2410170022	Nguyễn Thị Thúy Phượng	29/05/2006			8,6	tám, sáu	C26TK1	
17	2410010009	Trần Lê Kim Quyên	29/09/2006			7,6	bảy, sáu	C26TH	
18	2410010023	Đinh Văn Quyền	03/06/2006			4,4	bốn, bốn	C26TH	
19	2410170007	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	02/7/2006			5,6	năm, sáu	C26TK1	
20	2410170053	Huỳnh Văn Sơn	06/08/2005			3,8	ba, tám	C26TK2	
21	2410010030	Nguyễn Đông Hoàng Thế	14/8/2006			3,4	ba, bốn	C26TH	
22	2410170028	Nguyễn Minh Thiện	18/10/2006			7,4	bảy, bốn	C26TK1	
23	2410010007	Ngự Trung Toàn	12/11/2006			6,6	sáu, sáu	C26TH	
24	2410170017	Lê Thị Ngọc Trâm	28/10/2006			3,6	ba, sáu	C26TK1	
25	2410170019	Nguyễn Thị Hồng Trâm	27/04/2006			7,2	bảy, hai	C26TK1	
26	2410010024	Nguyễn Tấn Triết	16/06/2006			4,6	bốn, sáu	C26TH	
27	2410170026	Phùng Thị Tú Uyên	28/03/2006			8,0	tám, không	C26TK1	
28	2410010040	Lê Công Vinh	03/03/2006			7,2	bảy, hai	C26TH	
29	2410030026	Lê Công Vinh	15/03/2006			4,2	bốn, hai	C26TK1	
30	2410010004	Võ Thành Vinh	23/12/1993			4,6	bốn, sáu	C26TH	
31	2410170011	Lê Hạ Vy	27/10/2006			7,6	bảy, sáu	C26TK1	
32	2410010006	Nguyễn Ngọc Phương Vy	19/8/2006			8,0	tám, không	C26TH	
33	2410170004	Huỳnh Như Ý	04/02/2004			5,6	năm, sáu	C26TK1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2410170024	Nguyễn Thị Như Ý	25/03/2006	nhu		70	bảy, không	C26TK1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 34 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 34 / 1

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 9 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Đã → *[Signature]*

Ngày: 03 tháng 04 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Bình Dương

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Tiếng Anh 2

Mã bài thi: J4DXC0

Thời gian thi: 03/04/2025 07:45:00

Thời gian kết thúc: 03/04/2025 08:45:00

Giám thị 1: Trần P.H. Hào Ký tên: _____

Giám thị 2: Nguyễn Thị Thanh Ký tên: Thanh

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410170055	Nguyễn Chí Duy	30/09/2006	<u>Duy</u>	42	Error!	C26TK2	
2	2410010029	Huỳnh Anh Kiệt	03/11/2006	<u>Kiệt</u>	26	Error!	C26TH	
3	2410170037	Nguyễn Võ Thành Long	12/03/2005	<u>Long</u>	72	Error!	C26TK2	
4	2410010021	Nguyễn Phương Nam	21/08/2006	<u>Nam</u>	32	Error!	C26TH	
5	2410170045	Mai Minh Ngọc Kim Ngân	06/11/2006	<u>Ngân</u>	68	Error!	C26TK2	
6	2410170049	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	05/04/2006	<u>Ngân</u>	74	Error!	C26TK2	
7	2410010031	Võ Thành Nghĩa	15/03/2006	<u>Nghĩa</u>	64	Error!	C26TH	
8	2410170046	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	11/08/2006	<u>Ngọc</u>	76	Error!	C26TK2	
9	2410010038	Son Tôn Nguyên	04/09/2006	<u>Nguyên</u>	64	Error!	C26TH	
10	2410010042	Nguyễn Lê Hữu Nhân	01/06/2006	<u>Nhân</u>	58	Error!	C26TH	
11	2410170009	Tất Tịnh Nhi	25/05/2006	<u>Nhi</u>	72	Error!	C26TK1	
12	2410170029	Nguyễn Phụng Như	09/11/2006	<u>Như</u>	74	Error!	C26TK1	
13	2410170031	Lê Trương Thục Như	08/11/2006	<u>Như</u>	80	Error!	C26TK1	
14	2410010003	Lê Văn Nhật	08/12/2006	<u>Ngân</u>	64	Error!	C26TH	
15	2410170039	Nguyễn Hồ Thiên Phụng	26/11/2005	<u>Phụng</u>	56	Error!	C26TK2	
16	2410170022	Nguyễn Thị Thúy Phượng	29/05/2006	<u>Phượng</u>	86	Error!	C26TK1	
17	2410010009	Trần Lê Kim Quyên	29/09/2006	<u>Quyên</u>	76	Error!	C26TH	
18	2410010023	Đinh Văn Quyền	03/06/2006	<u>Quyên</u>	44	Error!	C26TH	
19	2410170007	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	02/07/2006	<u>Quỳnh</u>	56	Error!	C26TK1	
20	2410170053	Huỳnh Văn Sơn	06/08/2005	<u>Sơn</u>	38	Error!	C26TK2	
21	2410010030	Nguyễn Đông Hoàng Thế	14/08/2006	<u>Thế</u>	34	Error!	C26TH	
22	2410170028	Nguyễn Minh Thiện	18/10/2006	<u>Thiện</u>	74	Error!	C26TK1	
23	2410010007	Ngự Trung Toàn	12/11/2006	<u>Toàn</u>	66	Error!	C26TH	
24	2410170017	Lê Thị Ngọc Trâm	28/10/2006	<u>Trâm</u>	36	Error!	C26TK1	
25	2410170019	Nguyễn Thị Hồng Trâm	27/04/2006	<u>Trâm</u>	72	Error!	C26TK1	
26	2410010024	Nguyễn Tấn Triết	16/06/2006	<u>Triết</u>	46	Error!	C26TH	
27	2410170026	Phùng Thị Tú Uyên	28/03/2006	<u>Uyên</u>	80	Error!	C26TK1	
28	2410010004	Võ Thành Vinh	23/12/1993	<u>Vinh</u>	46	Error!	C26TH	
29	2410030026	Lê Công Vinh	15/03/2006	<u>Vinh</u>	42	Error!	C26TK1	
30	2410010040	Lê Công Vinh	03/03/2006	<u>Vinh</u>	72	Error!	C26TH	
31	2410170011	Lê Hạ Vy	27/10/2006	<u>Vy</u>	76	Error!	C26TK1	
32	2410010006	Nguyễn Ngọc Phương Vy	19/08/2006	<u>Vy</u>	80	Error!	C26TH	
33	2410170004	Huỳnh Như Ý	04/02/2004	<u>Như Ý</u>	56	Error!	C26TK1	
34	2410170024	Nguyễn Thị Như Ý	25/03/2006	<u>Như Ý</u>	70	Error!	C26TK1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 34

Số sinh viên đạt: 34

Ngày 9 tháng 4 năm 2025
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

Ngày 03 tháng 04 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902701

Giảng viên giảng dạy: Trần Bình Dương

Ngày thi: 03/04/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Phạm Quang Sáng

Giám thị 2: Nguyễn Tiến Dũng

Giám thị 3:

Giám thị 4:

Ký tên:

Ký tên:

Ký tên:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410010043	Lương Nguyễn Quốc An	19/04/2005			8,4	hai, bốn	C26TH	
2	2410010039	Dương Nguyễn Quốc Anh	08/06/2006			8,4	tám, bốn	C26TH	
3	2410170048	Nguyễn Trần Trọng Ân	22/02/2006			7,0	bảy, không	C26TK2	
4	2410010041	Nguyễn Chí Bảo	02/09/2006			5,2	năm, hai	C26TH	
5	2410010017	Nguyễn Gia Bảo	05/12/2006			4,0	bốn, không	C26TH	
6	2410010019	Võ Lê Hoàng Bảo	23/06/2006			5,0	năm, không	C26TH	
7	2410010025	Trần Nhựt Bằng	11/01/2005			7,6	bảy, sáu	C26TH	
8	2410170044	Nguyễn Ngọc Minh Châu	26/04/2006			8,6	tám, sáu	C26TK2	
9	2410170016	Phạm Chí Công	04/10/2006			7,0	bảy, không	C26TK1	
10	2410010045	Lâm Chí Cường	09/01/2006			8,4	tám, bốn	C26TH	
11	2410170023	Hoàng Anh Duy	20/11/2006			6,6	sáu, sáu	C26TK1	
12	2410010015	Nguyễn Huỳnh Anh Duy	10/12/2004			7,0	bảy, không	C26TH	
13	2410010016	Phạm Minh Duy	07/02/2006			7,0	bảy, không	C26TH	
14	2410170001	Nguyễn Duy Dương	06/9/2005			5,4	năm, bốn	C26TK1	
15	2410170042	Nguyễn Hoàng Phương Đại	20/03/2006			9,0	chín, không	C26TK2	
16	2410010044	Nguyễn Thành Đạt	12/12/2004			7,4	bảy, bốn	C26TH	
17	2410170010	Nguyễn Ngọc Hân	17/11/2006			8,4	tám, bốn	C26TK1	
18	2410170005	Võ Thị Ngọc Hân	13/3/2006			5,4	năm, bốn	C26TK1	
19	2410010011	Hồ Văn Hoàn	31/05/2006			8,2	tám, hai	C26TH	
20	2410170025	Lê Đức Huy	12/04/2005			8,6	tám, sáu	C26TK1	
21	2410170047	Lê Quốc Huy	22/05/2006			8,4	tám, tư	C26TK2	
22	2410170033	Nguyễn Khải Huy	10/01/2006			6,0	sáu, không	C26TK2	
23	2410170036	Trần Gia Huy	28/10/2006			7,4	bảy, tư	C26TK2	
24	2410170014	Phạm Gia Hưng	21/07/2006			3,6	ba, sáu	C26TK1	
25	2410010010	Lê Ngọc Hương	06/06/2006					C26TH	
26	2410010028	Châu Gia Khang	29/06/2006			7,0	bảy, không	C26TH	
27	2410170035	Đinh Gia Khang	13/06/2006			6,0	sáu, không	C26TK2	
28	2410010008	Nguyễn Duy Khang	01/12/2004			8,0	tám, không	C26TH	
29	2410010026	Phạm Nguyên Khang	26/07/2006			6,8	sáu, tám	C26TH	
30	2410010018	Võ Hoàng Khải	30/05/2006			7,8	bảy, tám	C26TH	
31	2410170030	Nguyễn Anh Khôi	19/10/2006			8,2	tám, hai	C26TK1	
32	2410170041	Nguyễn Đăng Khôi	10/02/2006			8,0	tám, không	C26TK2	
33	2410170027	Quách Đăng Khôi	21/10/2006			5,0	năm, không	C26TK1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2410010046	Nguyễn Trung Kiên	13/09/2004	<i>Kis</i>		5,4	<i>năm, bốn</i>	C26TH	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 33 vắng thi: 01 Số bài thi/Số tờ: 33 / 33

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 9 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Ngày: 03 tháng 04 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Bình Dương



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Tiếng Anh 2

Mã bài thi: 15CHZM

Thời gian thi: 03/04/2025 07:45:00

Thời gian kết thúc: 03/04/2025 08:45:00

Giám thị 1: Đoàn Văn Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: NT Dũng Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410010043	Lương Nguyễn Quốc An	19/04/2005	<u>An</u>	24	Error!	C26TH	
2	2410170048	Nguyễn Trần Trọng Ân	22/02/2006	<u>An</u>	70	Error!	C26TK2	
3	2410010039	Dương Nguyễn Quốc Anh	08/06/2006	<u>Anh</u>	84	Error!	C26TH	
4	2410010025	Trần Nhựt Bằng	11/01/2005	<u>Bằng</u>	76	Error!	C26TH	
5	2410010017	Nguyễn Gia Bảo	05/12/2006	<u>Bảo</u>	40	Error!	C26TH	
6	2410010041	Nguyễn Chí Bảo	02/09/2006	<u>Bảo</u>	52	Error!	C26TH	
7	2410010019	Võ Lê Hoàng Bảo	23/06/2006	<u>Bảo</u>	50	Error!	C26TH	
8	2410170044	Nguyễn Ngọc Minh Châu	26/04/2006	<u>Châu</u>	86	Error!	C26TK2	
9	2410170016	Phạm Chí Công	04/10/2006	<u>Công</u>	70	Error!	C26TK1	
10	2410010045	Lâm Chí Cường	09/01/2006	<u>Cường</u>	84	Error!	C26TH	
11	2410170042	Nguyễn Hoàng Phương Đại	20/03/2006	<u>Đại</u>	90	Error!	C26TK2	
12	2410010044	Nguyễn Thành Đạt	12/12/2004	<u>Đạt</u>	74	Error!	C26TH	
13	2410170001	Nguyễn Duy Dương	06/09/2005	<u>Dương</u>	54	Error!	C26TK1	
14	2410010015	Nguyễn Huỳnh Anh Duy	10/12/2004	<u>Duy</u>	70	Error!	C26TH	
15	2410010016	Phạm Minh Duy	07/02/2006	<u>Duy</u>	70	Error!	C26TH	
16	2410170023	Hoàng Anh Duy	20/11/2006	<u>Duy</u>	66	Error!	C26TK1	
17	2410170005	Võ Thị Ngọc Hân	13/03/2006	<u>Hân</u>	54	Error!	C26TK1	
18	2410170010	Nguyễn Ngọc Hân	17/11/2006	<u>Hân</u>	84	Error!	C26TK1	
19	2410010011	Hồ Văn Hoàn	31/05/2006	<u>Hoàn</u>	82	Error!	C26TH	
20	2410170014	Phạm Gia Hưng	21/07/2006	<u>Hưng</u>	36	Error!	C26TK1	
21	2410170025	Lê Đức Huy	12/04/2005	<u>Huy</u>	86	Error!	C26TK1	
22	2410170033	Nguyễn Khải Huy	10/01/2006	<u>Huy</u>	60	Error!	C26TK2	
23	2410170036	Trần Gia Huy	28/10/2006	<u>Huy</u>	74	Error!	C26TK2	
24	2410170047	Lê Quốc Huy	22/05/2006	<u>Huy</u>	84	Error!	C26TK2	
25	2410010018	Võ Hoàng Khải	30/05/2006	<u>Khải</u>	78	Error!	C26TH	
26	2410010026	Phạm Nguyên Khang	26/07/2006	<u>Khang</u>	68	Error!	C26TH	
27	2410010028	Châu Gia Khang	29/06/2006	<u>Khang</u>	70	Error!	C26TH	
28	2410010008	Nguyễn Duy Khang	01/12/2004	<u>Khang</u>	80	Error!	C26TH	
29	2410170035	Đinh Gia Khang	13/06/2006	<u>Khang</u>	60	Error!	C26TK2	
30	2410170027	Quách Đăng Khôi	21/10/2006	<u>Khôi</u>	50	Error!	C26TK1	
31	2410170030	Nguyễn Anh Khôi	19/10/2006	<u>Khôi</u>	82	Error!	C26TK1	
32	2410170041	Nguyễn Đăng Khôi	10/02/2006	<u>Khôi</u>	80	Error!	C26TK2	
33	2410010046	Nguyễn Trung Kiên	13/09/2004	<u>Kiên</u>	54	Error!	C26TH	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 33

Số sinh viên đạt: 33

Ngày 9 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

<https://thi.ctim.edu.vn/p2992-printlist.html>

Ngày 03 tháng 04 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Bình Dương

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902701 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Bình Dương - (05043)

Ngày thi: 12/02/2025 Giờ thi: 7:30 Phòng thi: AM2

Giám thị 1: Trần Bình Dương Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410010043	Lương Nguyễn Quốc An	19/04/2005	C26TH	<u>[Signature]</u>	7,5	bảy năm	
2	2410010039	Dương Nguyễn Quốc Anh	08/06/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	8,5	tám năm	
3	2410010041	Nguyễn Chí Bảo	02/09/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	7,5	bảy năm	
4	2410010017	Nguyễn Gia Bảo	05/12/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	7,0	bảy không	
5	2410010025	Trần Nhật Bằng	11/01/2005	C26TH	<u>[Signature]</u>	8,5	tám năm	
6	2410010015	Nguyễn Huỳnh Anh Duy	10/12/2004	C26TH	<u>[Signature]</u>	7,0	bảy không	
7	2410010011	Hồ Văn Hoành	31/05/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	6,0	sáu không	
8	2410010010	Lê Ngọc Hương	06/06/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	8,0	tám không	
9	2410010023	Châu Gia Khang	29/06/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	7,5	bảy năm	
10	2410010008	Nguyễn Duy Khang	01/12/2004	C26TH	<u>[Signature]</u>	7,5	bảy năm	
11	2410010026	Phạm Nguyên Khang	26/07/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	6,5	sáu năm	
12	2410010018	Võ Hoàng Khải	30/05/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	8,5	tám năm	
13	2410010046	Nguyễn Trung Kiên	13/09/2004	C26TH	<u>[Signature]</u>	7,0	bảy không	
14	2410010029	Huỳnh Anh Kiệt	03/11/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	6,0	sáu không	
15	2410010031	Võ Thành Nghĩa	15/03/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	6,5	sáu năm	
16	2410010038	Sơn Tôn Nguyên	04/09/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	8,0	tám không	
17	2410010042	Nguyễn Lê Hữu Nhân	01/06/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	7,0	bảy không	
18	2410010003	Lê Văn Nhật	08/12/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	7,0	bảy không	
19	2410010009	Trần Lê Kim Quyên	29/09/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	7,5	bảy năm	
20	2410010023	Đinh Văn Quyền	03/06/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	6,5	sáu năm	
21	2410010030	Nguyễn Đông Hoàng Thế	14/8/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	8,0	tám không	
22	2410010007	Ngự Trung Toàn	12/11/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	8,0	tám không	
23	2410010024	Nguyễn Tấn Triết	16/06/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	9,5	chín năm	
24	2410010040	Lê Công Vinh	03/03/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	7,5	bảy năm	
25	2410010004	Võ Thành Vinh	23/12/1993	C26TH	<u>[Signature]</u>	9,0	chín không	
26	2410010006	Nguyễn Ngọc Phương Vy	19/8/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	6,5	sáu năm	

- Lưu ý:**
- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 00. Số bài thi: 26 / 26.

Ngày: 16 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Thị Ngọc Hoa

Ngày: 12 tháng 2 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Bình Dương

TR

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902701 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Bình Dương - (05043)

Ngày thi: 9/1/2025 Giờ thi: 7:30 Phòng thi: A112

Giám thị 1: Trần Bình Dương Ký tên: U

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410010043	Lương Nguyễn Quốc An	19/04/2005	C26TH	<u>Đ</u>	8,0	tám không	
2	2410010039	Dương Nguyễn Quốc Anh	08/06/2006	C26TH	<u>Anh</u>	8,5	tám năm	
3	2410010041	Nguyễn Chí Bảo	02/09/2006	C26TH	<u>B</u>	7,5	bảy năm	
4	2410010017	Nguyễn Gia Bảo	05/12/2006	C26TH	<u>B</u>	6,0	sáu không	
5	2410010025	Trần Nhật Bằng	11/01/2005	C26TH	<u>B</u>	8,0	tám không	
6	2410010015	Nguyễn Huỳnh Anh Duy	10/12/2004	C26TH	<u>D</u>	6,0	sáu không	
7	2410010011	Hồ Văn Hoành	31/05/2006	C26TH	<u>Hoành</u>	7,0	bảy không	
8	2410010010	Lê Ngọc Hương	06/06/2006	C26TH	<u>H</u>	7,5	bảy năm	
9	2410010028	Châu Gia Khang	29/06/2006	C26TH	<u>Khang</u>	9,0	chín không	
10	2410010008	Nguyễn Duy Khang	01/12/2004	C26TH	<u>Khang</u>	7,0	bảy không	
11	2410010026	Phạm Nguyên Khang	26/07/2006	C26TH	<u>Khang</u>	6,5	sáu năm	
12	2410010018	Võ Hoàng Khải	30/05/2006	C26TH	<u>K</u>	8,5	tám năm	
13	2410010046	Nguyễn Trung Kiên	13/09/2004	C26TH	<u>K</u>	6,5	sáu năm	
14	2410010029	Huỳnh Anh Kiệt	03/11/2006	C26TH	<u>K</u>	7,0	bảy không	
15	2410010031	Võ Thành Nghĩa	15/03/2006	C26TH	<u>N</u>	6,5	sáu năm	
16	2410010038	Sơn Tôn Nguyên	04/09/2006	C26TH	<u>N</u>	8,5	tám năm	
17	2410010042	Nguyễn Lê Hữu Nhân	01/06/2006	C26TH	<u>N</u>	7,0	bảy không	
18	2410010003	Lê Văn Nhật	08/12/2006	C26TH	<u>N</u>	7,0	bảy không	
19	2410010009	Trần Lê Kim Quyên	29/09/2006	C26TH	<u>Quyên</u>	8,0	tám không	
20	2410010023	Đinh Văn Quyền	03/06/2006	C26TH	<u>Quyên</u>	6,5	sáu năm	
21	2410010030	Nguyễn Đông Hoàng Thế	14/8/2006	C26TH	<u>T</u>	8,0	tám không	
22	2410010007	Ngự Trung Toàn	12/11/2006	C26TH	<u>T</u>	7,0	bảy không	
23	2410010024	Nguyễn Tấn Triết	16/06/2006	C26TH	<u>T</u>	8,0	tám không	
24	2410010040	Lê Công Vinh	03/03/2006	C26TH	<u>V</u>	7,0	bảy không	
25	2410010004	Võ Thành Vinh	23/12/1993	C26TH	<u>V</u>	8,0	tám không	
26	2410010006	Nguyễn Ngọc Phương Vy	19/8/2006	C26TH	<u>Vy</u>	6,5	sáu năm	

Lưu ý: * - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

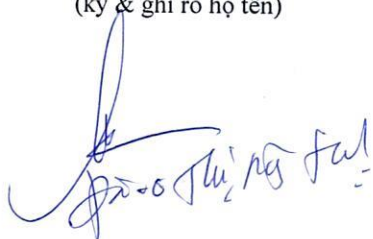
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 00. Số bài thi: 26 / 26.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Đào Thị Ngọc Phượng

Ngày 8 tháng 1 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Bình Dương





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902701 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Bình Dương - (05043)

Ngày thi: 8/1/2025 Giờ thi: 7:30 Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Trần Bình Dương Ký tên: U

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410170048	Nguyễn Trần Trọng Ân	22/02/2006	C26TK2	<u>Ân</u>	6,5	sáu năm	
2	2410170044	Nguyễn Ngọc Minh Châu	26/04/2006	C26TK2	<u>Châu</u>	7,0	bảy không	
3	2410170042	Nguyễn Hoàng Phương Đại	20/03/2006	C26TK2	<u>Đại</u>	8,0	tám không	
4	2410170047	Lê Quốc Huy	22/05/2006	C26TK2	<u>Huy</u>	8,0	tám không	
5	2410170033	Nguyễn Khải Huy	10/01/2006	C26TK2	<u>Huy</u>	7,5	bảy năm	
6	2410170036	Trần Gia Huy	28/10/2006	C26TK2	<u>Huy</u>	7,0	bảy không	
7	2410170035	Đinh Gia Khang	13/06/2006	C26TK2	<u>Khang</u>	9,5	chín năm	
8	2410170041	Nguyễn Đăng Khôi	10/02/2006	C26TK2	<u>Khôi</u>	8,0	tám không	
9	2410170037	Nguyễn Võ Thành Long	12/03/2005	C26TK2	<u>Long</u>	6,5	sáu năm	
10	2410170045	Mai Minh Ngọc Kim Ngân	06/11/2006	C26TK2	<u>Ngân</u>	7,5	bảy năm	
11	2410170049	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	05/04/2006	C26TK2	<u>Ngân</u>	8,5	tám năm	
12	2410170046	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	11/08/2006	C26TK2	<u>Ngọc</u>	8,0	tám không	
13	2410010034	Lê Thị Lan Nhi	19/08/2006	C26TK2	<u>Nhi</u>	7,5	bảy năm	
14	2410170039	Nguyễn Hồ Thiên Phụng	26/11/2005	C26TK2	<u>Phụng</u>	6,0	sáu không	
15	2410170053	Huỳnh Văn Sơn	06/08/2005	C26TK2	<u>Sơn</u>	8,0	tám không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 00 . Số bài thi: 15 / 15 .

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

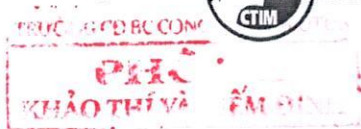
Đào Thị Minh Hương

Ngày 8 tháng 1 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Bình Dương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902701 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Bình Dương - (05043)

Ngày thi: 11/02/2025 Giờ thi: 7:30 Phòng thi: A112

Giám thị 1: Trần Bình Dương Ký tên: ll

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410170048	Nguyễn Trần Trọng Ân	22/02/2006	C26TK2	<u>An</u>	6,0	sáu không	
2	2410170044	Nguyễn Ngọc Minh Châu	26/04/2006	C26TK2	<u>Chau</u>	7,0	bảy không	
3	2410170042	Nguyễn Hoàng Phương Đại	20/03/2006	C26TK2	<u>Da</u>	7,5	bảy năm	
4	2410170047	Lê Quốc Huy	22/05/2006	C26TK2	<u>Huy</u>	8,5	tám năm	
5	2410170033	Nguyễn Khải Huy	10/01/2006	C26TK2	<u>Huy</u>	8,0	tám không	
6	2410170036	Trần Gia Huy	28/10/2006	C26TK2	<u>Hue</u>	7,5	bảy năm	
7	2410170035	Đinh Gia Khang	13/06/2006	C26TK2	<u>Khang</u>	9,0	chín không	
8	2410170041	Nguyễn Đăng Khôi	10/02/2006	C26TK2	<u>Khôi</u>	8,0	tám không	
9	2410170037	Nguyễn Võ Thành Long	12/03/2005	C26TK2	<u>Long</u>	6,5	sáu năm	
10	2410170045	Mai Minh Ngọc Kim Ngân	06/11/2006	C26TK2	<u>Ngan</u>	6,5	sáu năm	
11	2410170049	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	05/04/2006	C26TK2	<u>Ngan</u>	8,0	tám không	
12	2410170046	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	11/08/2006	C26TK2	<u>Ngoc</u>	8,5	tám năm	
13	2410010034	Lê Thị Lan Nhi	19/08/2006	C26TK2	<u>Nhi</u>	8,0	tám không	
14	2410170039	Nguyễn Hồ Thiên Phụng	26/11/2005	C26TK2	<u>Phu</u>	7,0	bảy không	
15	2410170053	Huỳnh Văn Sơn	06/08/2005	C26TK2	<u>Son</u>	8,0	tám không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 00 . Số bài thi: 15 / 15 .

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Thị Ngọc Lan

Ngày 12 tháng 02 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ll
Trần Bình Dương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902701 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Bình Dương - (05043)

Ngày thi: 01/02/25 Giờ thi: 7.30 Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Trần Bình Dương Ký tên:

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Công	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410170016	Phạm Chí	Công	04/10/2006	C26TK1		6.0	sáu không	
2	2410170023	Hoàng Anh	Duy	20/11/2006	C26TK1		6.0	sáu không	
3	2410170001	Nguyễn Duy	Dương	06/9/2005	C26TK1		6.0	sáu không	
4	2410170010	Nguyễn Ngọc	Hân	17/11/2006	C26TK1		7.5	bảy năm	
5	2410170005	Võ Thị Ngọc	Hân	13/3/2006	C26TK1		6.5	sáu năm	
6	2410170025	Lê Đức	Huy	12/04/2005	C26TK1		9.5	sáu năm	
7	2410170014	Phạm Gia	Hung	21/07/2006	C26TK1		7.0	bảy không	
8	2410170030	Nguyễn Anh	Khôi	19/10/2006	C26TK1		6.5	sáu năm	
9	2410170027	Quách Đăng	Khôi	21/10/2006	C26TK1		7.0	bảy không	
10	2410170009	Tất Tịnh	Nhi	25/05/2006	C26TK1		9.0	chín không	
11	2410170031	Lê Trương Thục	Như	08/11/2006	C26TK1		7.0	bảy không	
12	2410170029	Nguyễn Phụng	Như	09/11/2006	C26TK1		9.0	chín không	
13	2410170022	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	29/05/2006	C26TK1		7.0	bảy không	
14	2410170007	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	02/7/2006	C26TK1		7.5	bảy năm	
15	2410170028	Nguyễn Minh	Thiện	18/10/2006	C26TK1		6.5	sáu năm	
16	2410170017	Lê Thị Ngọc	Trâm	28/10/2006	C26TK1		6.5	sáu năm	
17	2410170019	Nguyễn Thị Hồng	Trâm	27/04/2006	C26TK1		8.0	tám không	
18	2410170026	Phùng Thị Tú	Uyên	28/03/2006	C26TK1		7.0	bảy không	
19	2410030026	Lê Công	Vinh	15/03/2006	C26TK1		8.5	tám năm	
20	2410170011	Lê Hạ	Vy	27/10/2006	C26TK1		8.0	tám không	
21	2410170004	Huỳnh Như	Ý	04/02/2004	C26TK1		6.5	sáu năm	
22	2410170024	Nguyễn Thị Như	Ý	25/03/2006	C26TK1		7.0	bảy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 00 Số bài thi: 22 / 22

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 02 tháng 4 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Bình Dương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902701 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Bình Dương - (05043)

Ngày thi: 12/12/2025 Giờ thi: 7:30 Phòng thi: A112

Giám thị 1: Trần Bình Dương Ký tên:

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410170016	Phạm Chí Công		04/10/2006	C26TK1		2.0	bảy không	
2	2410170023	Hoàng Anh Duy		20/11/2006	C26TK1		6.0	sáu không	
3	2410170001	Nguyễn Duy Dương		06/9/2005	C26TK1		7.0	bảy không	
4	2410170010	Nguyễn Ngọc Hân		17/11/2006	C26TK1		8.0	tám không	
5	2410170005	Võ Thị Ngọc Hân		13/3/2006	C26TK1		6.5	sáu năm	
6	2410170025	Lê Đức Huy		12/04/2005	C26TK1		8.5	tám năm	
7	2410170014	Phạm Gia Hưng		21/07/2006	C26TK1		7.0	bảy không	
8	2410170030	Nguyễn Anh Khôi		19/10/2006	C26TK1		7.0	bảy không	
9	2410170027	Quách Đăng Khôi		21/10/2006	C26TK1		7.5	bảy năm	
10	2410170009	Tất Tịnh Nhi		25/05/2006	C26TK1		9.0	chín không	
11	2410170031	Lê Trương Thục Như		08/11/2006	C26TK1		7.5	bảy năm	
12	2410170029	Nguyễn Phụng Như		09/11/2006	C26TK1		9.0	chín không	
13	2410170022	Nguyễn Thị Thúy Phượng		29/05/2006	C26TK1		8.5	tám năm	
14	2410170007	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh		02/7/2006	C26TK1		8.0	tám không	
15	2410170028	Nguyễn Minh Thiện		18/10/2006	C26TK1		7.5	bảy năm	
16	2410170017	Lê Thị Ngọc Trâm		28/10/2006	C26TK1		7.0	bảy không	
17	2410170019	Nguyễn Thị Hồng Trâm		27/04/2006	C26TK1		8.0	tám không	
18	2410170026	Phùng Thị Tú Uyên		28/03/2006	C26TK1		6.5	sáu năm	
19	2410030026	Lê Công Vinh		15/03/2006	C26TK1		7.5	bảy năm	
20	2410170011	Lê Hạ Vy		27/10/2006	C26TK1		8.0	tám không	
21	2410170004	Huỳnh Như Ý		04/02/2004	C26TK1		6.5	sáu năm	
22	2410170024	Nguyễn Thị Như Ý		25/03/2006	C26TK1		7.5	bảy năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 00. Số bài thi: 22 / 22.

Ngày: 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 12 tháng 02 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Bình Dương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

L2

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902701 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Bình Dương - (05043)

Ngày thi: 8/1/2025 Giờ thi: 7h30 Phòng thi: A112

Giám thị 1: Trần Bình Dương Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410010019	Võ Lê Hoàng	Bảo	23/06/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	6,5	sáu năm	
2	2410010045	Lâm Chí	Cường	09/01/2006	C26TH	<u>Buong</u>	6,0	sáu không	
3	2410010016	Phạm Minh	Duy	07/02/2006	C26TH	<u>gas</u>	8,5	tám năm	
4	2410010044	Nguyễn Thành	Đạt	12/12/2004	C26TH	<u>Pha</u>	6,5	sáu năm	
5	2410010035	Trần Nguyễn Phúc	Hậu	04/11/1995	C26TH	<u>[Signature]</u>	7,5	bảy năm	
6	2410010036	Nguyễn Thành	Lợi	27/02/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	6,5	sáu năm	
7	2410010021	Nguyễn Phương	Nam	21/08/2006	C26TH	<u>NUU</u>	7,0	bảy không	
8	2410010032	Nguyễn Thanh	Sang	14/08/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	6,5	sáu năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 08 vắng thi: 00 Số bài thi: 08 / 08.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Ngày 8 tháng 1 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Bình Dương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902701 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Bình Dương - (05043)

Ngày thi: 12/02/2025 Giờ thi: 7:30 Phòng thi: A112

Giám thị 1: Trần Bình Dương Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410010019	Võ Lê Hoàng Bảo	23/06/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	6,5	sáu năm	
2	2410010045	Lâm Chí Cường	09/01/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	7,0	bảy không	
3	2410010016	Phạm Minh Duy	07/02/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	8,0	tám không	
4	2410010044	Nguyễn Thành Đạt	12/12/2004	C26TH	<u>[Signature]</u>	7,0	bảy không	
5	2410010035	Trần Nguyễn Phúc Hậu	04/11/1995	C26TH	<u>[Signature]</u>	7,5	bảy năm	
6	2410010036	Nguyễn Thành Lợi	27/02/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	7,0	bảy không	
7	2410010021	Nguyễn Phương Nam	21/08/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	7,5	bảy năm	
8	2410010032	Nguyễn Thanh Sang	14/08/2006	C26TH	<u>[Signature]</u>	6,5	sáu năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 08 vắng thi: 00 . Số bài thi: 08 / 08 .

Ngày: 12 tháng 02 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 12 tháng 02 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Bình Dương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

4

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902701 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Bình Dương - (05043)

Ngày thi: 8/11/2025 Giờ thi: 7:30 Phòng thi: A112

Giám thị 1: Trần Bình Dương Ký tên: U

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410170015	Lê Đăng Khôi	20/08/2005	C26TK1				
2	2410170008	Phan Thị Bảo Yến	25/04/2006	C26TK1				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 0 vắng thi: 2 . Số bài thi: 0 / _____.

Ngày 8 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Bảo Yến

Ngày 8 tháng 1 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Bình Dương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902701 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Bình Dương - (05043)

Ngày thi: 12/02/2025 Giờ thi: 7:30 Phòng thi: A112

Giám thị 1: Trần Bình Dương Ký tên:

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410170015	Lê Đăng Khôi	20/08/2005	C26TK1				
2	2410170008	Phan Thị Bảo Yến	25/04/2006	C26TK1				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 0 vắng thi: 2. Số bài thi: 0 / 1.

Ngày 12 tháng 2 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(Ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 12 tháng 2 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Bình Dương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

L 2

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902701 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Bình Dương - (05043)

Ngày thi: 8/11/2025 Giờ thi: 7:30 Phòng thi: AM2

Giám thị 1: Trần Bình Dương Ký tên: U

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410170055	Nguyễn Chí Duy	30/09/2006	C26TK2	<u>Duy</u>	7,5	bảy năm	
2	2410170050	Đặng Tấn Đạt	30/01/2005	C26TK2	<u>Đạt</u>	6,0	sáu không	
3	2410170054	Võ Anh Minh	19/02/2005	C26TK2	<u>Minh</u>	9,0	chín không	
4	2410170038	Cao Trần Phát	25/03/2005	C26TK2	<u>Phát</u>	8,0	tám không	
5	2410170032	Nguyễn Trần Kỳ Phong	21/05/2006	C26TK2	<u>Phong</u>	10,0	mười	
6	2410170051	Nguyễn Hữu Đức Thịnh	17/03/2005	C26TK2	<u>Thịnh</u>	8,5	tám năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 06 vắng thi: 00 Số bài thi: 06 / 06

Ngày: 8...tháng...3...năm...2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

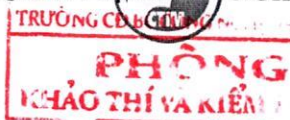
Đào Thị Huyền Nhi

Ngày: 8...tháng...1...năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Bình Dương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902701 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Bình Dương - (05043)

Ngày thi: 12/02/2025 Giờ thi: 7.30 Phòng thi: A112

Giám thị 1: Trần Bình Dương Ký tên: U

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410170055	Nguyễn Chí Duy	30/09/2006	C26TK2	<u>Duy</u>	8.0	tám không	
2	2410170050	Đặng Tấn Đạt	30/01/2005	C26TK2	<u>Đạt</u>	8.0	sáu không	
3	2410170054	Võ Anh Minh	19/02/2005	C26TK2	<u>Minh</u>	8.0	tám không	
4	2410170038	Cao Trần Phát	25/03/2005	C26TK2	<u>Phát</u>	8.0	tám không	
5	2410170032	Nguyễn Trần Kỳ Phong	21/05/2006	C26TK2	<u>Phong</u>	9.5	chín năm	
6	2410170051	Nguyễn Hữu Đức Thịnh	17/03/2005	C26TK2	<u>Thịnh</u>	8.0	tám không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 06 vắng thi: 00 . Số bài thi: 06 / 06 .

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hằng Hoa

Ngày 12 tháng 2 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Bình Dương